

Số: 1884 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 42/2013/TT-BTNMT ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chứng nhận "**Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường**" đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, với mã số **VIMCERTS 101** (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.



*[Handwritten signature]*

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, ĐL (08)

HL 

**BỘ TRƯỞNG**



  
**Nguyễn Minh Quang**



**Phụ lục**

**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

**Đối với Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn môi trường**

*(Kèm theo Quyết định số 1881 /QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 7 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Nước:**

**1.1. Nước mặt**

**1.1.1. Quan trắc hiện trường:**

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	4 ÷ 50 °C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	PPNB01/HDHT/REC	0 ÷ 1.999 mg/L

*PPNB01/HDHT/REC: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường.*

- Phương pháp lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-6:2008, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-3:2008

**1.1.2. Phân tích môi trường:**

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2008	5,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	3,0 mg/L
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	SMEWW 5210B:2012	1,5 mg/L
5	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	SMEWW 4500-Cl <sup>-</sup> .B:2012	3,0 mg/L
6	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2012	0,08 mg/L
8	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> .E:2012	2,0 mg/L

